

THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 10 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH

TS LƯƠNG THY CÂN*

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh của cả nước. Xác định tầm quan trọng của vùng Tây Nguyên, ngày 18-1-2002 Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010. Chính phủ đã có các Quyết định số 168/2001/QĐ-TTg ngày 30-10-2001 về định hướng dài hạn, kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và những giải pháp cơ bản phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên; Quyết định số 25/2008/QĐ-TTg ngày 5-2-2008 về ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh vùng Tây Nguyên đến năm 2010; các Quyết định số 132, 134, 198 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) nghèo, đời sống khó khăn.

Năm 2003, Buôn Ma Thuột có diện tích

tự nhiên 26.495 ha gồm 13 phường, 5 xã với dân số 272.557 người. Từ năm 2004, thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc chia tách Đắk Lắk thành 2 tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông, thành phố Buôn Ma Thuột tiếp nhận thêm 3 xã của huyện Cư Jút (Đắk Nông). Đến năm 2010 thành phố Buôn Ma Thuột có 13 phường và 8 xã; diện tích tự nhiên 37.156 ha, dân số có 345.537 người với 74.003 hộ¹. Thành phố Buôn Ma Thuột có 40 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó đồng bào các dân tộc thiểu số (DTTS) có 49.763 người, với 10.585 hộ, chiếm 15% dân số. Toàn Thành phố có 124.120 tín đồ các tôn giáo Phật giáo, Công giáo, Tin lành và Cao đài².

Quản triệt các chủ trương, chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ, Tỉnh ủy Đắk Lắk đã xây dựng chương trình hành động, đề ra các chương trình quan trọng như: Chương trình số 07-CTr/TU ngày 30-8-2002 của Tỉnh ủy Đắk Lắk thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX Về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

* NCS Viện Sử học

nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010; Chương trình số 12 và số 13 ngày 14-7-2003 thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) và Chương trình của Tỉnh ủy về công tác dân tộc và công tác tôn giáo; Chương trình số 22-CTr/TU ngày 28-2-2005 thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội các buôn đồng bào DTTS tại chỗ đến năm 2010; Chương trình số 08-CTr/TU ngày 1-1-2007 về giảm nghèo giai đoạn 2006-2010; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 16-4-2007 về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đến năm 2010; Kế hoạch số 43-KH/TU ngày 18-12-2008 thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) và Chương trình số 26-CTr/TU ngày 20-10-2008 của Tỉnh ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Qua 10 năm thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, các quyết định của Chính phủ và chủ trương của Tỉnh ủy Đắk Lắk, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã nỗ lực không ngừng và thu được những kết quả quan trọng, tạo ra sự chuyển biến rõ nét về kinh tế - xã hội. Cơ cấu kinh tế của Thành phố đã có bước chuyển dịch tích cực. GDP năm 2010 tăng gấp 4,2 lần so với năm 2000; mức tăng bình quân giai đoạn 2000 - 2010 đạt 15,38%/năm (chỉ tiêu đề ra là 12 đến 13%); mức tăng bình quân của công nghiệp xây dựng đạt 21,17%;

thương mại - dịch vụ tăng 17,60%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. GDP bình quân đầu người năm 2010 tăng gấp 4,6 lần so với năm 2000 (từ 655 USD năm 2000, tăng lên 3.013 USD năm 2010)³.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư xây dựng theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm"; "Lấy đô thị phát triển đô thị", huy động toàn dân đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2000 - 2010 là 16.364 triệu đồng, tốc độ tăng bình quân 31.48%/năm. Thành phố đã nhựa hoá 96,33% mạng lưới giao thông khu vực nội thành; lắp đặt hệ thống chiếu sáng cho 100% các trục chính đường liên xã, 70% đường trục chính trong khu dân cư các xã, 95% đường chính trung tâm; 100% thôn, buôn, tổ dân phố đã có điện. Vía hè các trục đường chính khu vực nội thành được thi công bằng vật liệu có chất lượng và thẩm mỹ cao. Sân bay Buôn Ma Thuột được nâng cấp và mở rộng phục vụ tăng tuyến bay và tần suất bay. Trên 80% số hộ dân được cấp nước sạch sinh hoạt. Trụ sở làm việc, công trình công cộng, quảng trường, tượng đài, công trình văn hóa thể thao, nghĩa trang,... thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng, xây dựng. Hệ thống trường học được nâng cấp, cải tạo. Bộ mặt đô thị cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại I. Ngày 8-2-2010 Thủ

tướng Chính phủ quyết định công nhận Buôn Ma Thuột là đô thị loại I trực thuộc tỉnh.

Thu, chi ngân sách đạt kết quả cao, mỗi năm thu ngân sách tăng 28,11%. Bình quân số thu của Thành phố chiếm từ 60% đến 80% tổng thu của toàn tỉnh. Tình trạng thất thu ngân sách, thu không đúng quy định cơ bản được khắc phục. Công tác quản lý chi ngân sách bảo đảm đúng dự toán, thực hiện tiết kiệm chi, giảm chi cho tiêu dùng để tăng tối đa chi cho đầu tư phát triển⁴.

Công tác dân tộc được quan tâm đặc biệt. Thực hiện Nghị quyết số 15/NQ-HĐ, ngày 8-8-2003 của Hội đồng nhân dân Thành phố về đề án ổn định và phát triển kinh tế - xã hội các buôn đồng bào DTTS tại chỗ thành phố Buôn Ma Thuột giai đoạn 2003- 2005 và đến năm 2010; Kế hoạch hàng năm của Thành phố về triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn,..., đã đạt những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội.

Về giáo dục - đào tạo, từ năm 2005, Thành phố đã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở và đến năm 2006 thực hiện xong đề án xây dựng xã hội học tập trên địa bàn. Thành phố tập trung ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học thuộc vùng đồng bào DTTS; đầu tư xây dựng và thành lập trường Dân tộc nội trú, duy trì và phát triển dạy chương trình song

ngữ Êđê-Việt tại 9 trường tiểu học, tổ chức các cuộc hội thảo chuyên đề nâng cao chất lượng giáo dục học sinh DTTS và tổ chức giao lưu Tiếng Việt cho học sinh DTTS bậc tiểu học, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục vùng ven, vùng đồng bào dân tộc⁵.

Đến năm học 2009 - 2010, Phòng giáo dục quản lý, chỉ đạo 113 trường học, trong đó mầm non là 33 trường, tiểu học: 54 trường, trung học cơ sở: 26 trường. Trường ngoài công lập có 16 trường với 7.815 học sinh, chiếm 11,62%. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn Thành phố là 3.832 người; trong đó nữ chiếm 3.154, dân tộc thiểu số 209; Tỷ lệ đạt chuẩn và vượt chuẩn là 97,07%⁶.

Trong công tác văn hóa, thông tin, tuyên truyền, thể dục thể thao, sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 10 - NQ/TW của Bộ Chính trị, với sự quan tâm, lãnh đạo của Thành ủy, UBND Thành phố đã đầu tư xây dựng trên 34 nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng cho 33 buôn đồng bào dân tộc, với kinh phí gần 6 tỷ đồng, xây dựng và cải tạo 3 bến nước tại 3 buôn với tổng kinh phí gần 300 triệu đồng. Công tác bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống đã có chuyển biến tiến bộ và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Thành phố đã tổ chức nhiều hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng nhằm duy trì, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân gian của các DTTS trên địa bàn, chú trọng đến các loại hình nghệ thuật dân

gian của đồng bào dân tộc Êđê¹. Cùng với việc xây dựng thiết chế văn hóa ở cơ sở, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. Các thiết chế văn hoá ở nhiều xã, phường được xây dựng, đời sống văn hoá từng bước được cải thiện, ngày càng xuất hiện nhiều hộ gia đình văn hoá tiêu biểu xuất sắc, thôn, buôn, tổ dân phố văn hoá. Trong 10 năm đã có 346.990 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hoá; 759 thôn, buôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hoá; 977 cơ quan đạt danh hiệu cơ quan văn hóa. Từ năm 2001, Thành phố đã có chương trình truyền hình riêng phát trên sóng Đài phát thanh truyền hình Tỉnh. Hệ thống truyền thanh ở 21 xã, phường đã được đầu tư phát sóng FM, nhiều đài cơ sở đã phát huy tốt tác dụng. 100% khu dân cư được phủ sóng phát thanh và truyền hình, 98% số hộ dân có phương tiện nghe nhìn.

Công tác vệ sinh phòng dịch được đẩy mạnh, không để dịch bệnh nguy hiểm xảy ra. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, nhất là vùng đồng bào DTTS, vùng xa trung tâm thành phố đã được chú trọng. Năm 2010 có 18 phường, xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, 100% trạm y tế đều có 1 đến 2 bác sỹ, đã có 20/21 phường, xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã⁸.

Công tác xóa đói giảm nghèo và thực hiện chính sách xã hội có sự tiến bộ vượt bậc. Tổng số lao động được tạo việc làm mới là 57.272/55.500 lao động (đạt 103%

kế hoạch). Tổng số hộ nghèo giai đoạn 2006 - 2010 trên địa bàn thành phố biến động hàng năm có 7.457 hộ; số hộ nghèo trong 5 năm giảm 6.728 hộ; tỷ lệ giảm hộ nghèo giai đoạn 2005- 2010 bình quân là 2,05%/năm. Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/QĐ-TTg⁹ ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ (giai đoạn 2009-2012) đã được Thành phố triển khai với kết quả tốt. Năm 2009, hỗ trợ hoàn thành 193 căn nhà (đạt 100% kế hoạch), năm 2010 hỗ trợ nhà ở cho 320 hộ. Công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống và thực hiện chính sách xã hội đối với các đối tượng hưởng chính sách được duy trì thường xuyên và triển khai thực hiện chu đáo. Năm 2010 đã vận động quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” được 6 tỉ 806 triệu đồng (chỉ tiêu là 6 tỉ đồng, đạt 113.4% kế hoạch); huy động quỹ “Vì người nghèo”, quỹ “Xóa đói giảm nghèo” được 11 tỉ 200 triệu đồng, đạt 112 % kế hoạch⁹.

Công tác tôn giáo đi vào ổn định trên cơ sở các quy định của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo. Sau khi có Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo việc giải quyết các nhu cầu tôn giáo được chặt chẽ hơn, tạo điều kiện sinh hoạt tôn giáo diễn ra bình thường. Tín đồ các tôn giáo đa số đều phấn khởi, tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng chính sách pháp luật của Nhà nước, ra sức sản xuất góp phần xây dựng quê hương đất nước. Chính

sách của Đảng và Nhà nước đối với vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo được triển khai sâu rộng, tạo điều kiện cho công dân thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo.

Qua mười năm xây dựng và phát triển Thành phố theo Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 18-1-2002 của Bộ Chính trị, đến năm 2010, Buôn Ma Thuột đã vươn lên trở thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh, một đô thị động lực phát triển cho toàn vùng Tây Nguyên. Buôn Ma Thuột đang tiếp tục phấn đấu trở thành thành phố loại I trực thuộc Trung ương trước năm 2020. Mục tiêu chung là xây dựng thành phố văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc văn hóa tiêu biểu, là hạt nhân của vùng cao Tây Nguyên; là một trong những trung tâm công nghiệp, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao và du lịch của vùng; là đầu mối giao thông quan trọng của vùng Tây Nguyên; là “một cực phát triển” quan trọng trong khu vực tam giác phát triển Việt Nam - Campuchia - Lào.

1. Thành ủy Buôn Ma Thuột (2004): *Báo cáo kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố Buôn Ma Thuột từ năm 1986- 2003*, tr. 1

2. Thành ủy Buôn Ma Thuột (2010): *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố*

Buôn Ma Thuột khóa XII trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XIII, tr.1

3. Ủy ban Nhân dân TP. Buôn Ma Thuột (2010). *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện nghị quyết 10-NQ/TW ngày 18/01/2002 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010*, tr. 2

4. Thành ủy Buôn Ma Thuột (2010): *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 18/01/2002 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010*, tr. 4

5. Phòng Giáo dục và Đào tạo TP. Buôn Ma Thuột (2010). *Báo cáo tóm tắt tình hình phát triển Giáo dục - Đào tạo 2001 - 2010 và kế hoạch phát triển giai đoạn 2011 - 2015*, tr. 2.

6. Phòng Giáo dục và Đào tạo TP. Buôn Ma Thuột (2010): *Báo cáo 10 năm thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị*, tr.6

7. Phòng Văn hoá và Thông tin TP. Buôn Ma Thuột (2010): *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị*, tr. 1

8. Ủy ban nhân dân TP. Buôn Ma Thuột (2010): *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006 - 2010 và phương hướng, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2011 - 2015*, tr. 5

9. Ủy ban nhân dân TP. Buôn Ma Thuột (2010): *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006 - 2010 và phương hướng, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2011 - 2015*, tr. 6.